

Số: /BC-UBND

Bến Tre, ngày tháng 11 năm 2020

## **BÁO CÁO**

### **Kết quả thực hiện Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 6 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh về kết quả giám sát thực hiện Đề án xây dựng hạ tầng cung cấp nước sạch phục vụ sản xuất và sinh hoạt giai đoạn 2016-2020**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh

Thực hiện Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 06 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh về kết quả giám sát thực hiện Đề án xây dựng hạ tầng cung cấp nước sạch phục vụ sản xuất và sinh hoạt giai đoạn 2016-2020, Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo kết quả triển khai thực hiện như sau:

#### **I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN**

1. Qua 05 năm triển khai thực hiện đề án, kết quả thực hiện đã đạt và vượt các mục tiêu đã đề ra. Cụ thể, tổng công suất sản xuất nước sạch toàn tỉnh đạt 239.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm, vượt 49,4% so với mục tiêu Đề án; tỷ lệ dân số sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 98,5 % - vượt 3,5 điểm %, trong đó tỷ lệ dân số sử dụng nước sạch đạt 61% - vượt 6 điểm % so với mục tiêu Đề án; tỷ lệ hộ dân sử dụng nước hợp vệ sinh tăng 8,18 điểm % và tỷ lệ hộ dân sử dụng nước sạch tăng 10,75 điểm % so đầu nhiệm kỳ.

Trong đợt hạn mặn năm 2019-2020, Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre đã được Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất loại trừ yếu tố khách quan do phát sinh chi phí phục vụ công tác khắc phục hạn mặn để xem xét giao chỉ tiêu đánh giá hiệu quả hoạt động năm 2020 của Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre.

2. Căn cứ quy hoạch cấp nước vùng Đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050, tỉnh đã phê duyệt Đồ án điều chỉnh quy hoạch thủy lợi tỉnh và Đồ án điều chỉnh, bổ sung quy hoạch cấp nước nông thôn, trong đó đã thực hiện phân vùng cung cấp dịch vụ cấp nước cụ thể đối với từng khu vực, từng đơn vị cấp nước.

3. Tỉnh đã điều chỉnh giá nước sinh hoạt, nước sạch (tăng bình quân khoảng 20÷30%), tạo điều kiện thuận lợi và khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư mở rộng, nâng công suất, nâng cao năng lực cấp nước; tỉnh cũng đã kiến nghị Bộ Tài chính điều chỉnh tăng khung giá nước.

Ủy ban nhân dân tỉnh đã cho chủ trương các đơn vị cấp nước chủ động rà soát, trình thẩm định, phê duyệt điều chỉnh phương án giá nước sạch trên cơ sở nghiên cứu áp dụng quy định về giá nước dành cho khu vực khó khăn về nguồn nước, trong điều kiện thiên tai, hạn mặn được quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư liên tịch số 75/2012/TTLT-BTC-BXD-BNNPTNT ngày 15 tháng 5 năm 2012 của liên Bộ Tài chính, Bộ Xây dựng, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về

hướng dẫn nguyên tắc, phương pháp xác định và thẩm quyền quyết định giá tiêu thụ nước sạch tại các đô thị, khu công nghiệp và khu vực nông thôn, cụ thể *“Trường hợp đặc thù như vùng nước ngập mặn, vùng ven biển, vùng có điều kiện sản xuất nước khó khăn, chi phí sản xuất và cung ứng nước sạch sinh hoạt cao hơn mức giá tối đa của khung giá do Bộ Tài chính ban hành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ vào tình hình thực tế để quyết định giá tiêu thụ nước sạch sinh hoạt cho phù hợp nhưng không vượt quá 50% mức giá tối đa của khung giá tiêu thụ nước sạch sinh hoạt do Bộ Tài chính ban hành.”*

4. Tổ chức đánh giá, đề xuất chuyển giao từng bước một số nhà máy nước nông thôn để thuận tiện trong quản lý, phân vùng cấp nước. Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn đã chuyển giao Nhà máy nước Nhơn Thạnh, Lương Hòa, Định Thủy - Phước Hiệp; Ủy ban nhân dân xã Thành An đã chuyển giao mạng lưới ống cấp nước (Dự án AMD) xã Thành An - Mỏ Cày Bắc về Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre tiếp nhận.

5. Đối với việc đầu tư hệ thống chuyển tải nước thô, thực tiễn cho thấy trong bối cảnh các công trình thủy lợi tạo nguồn nước chưa hoàn toàn khép kín thì giải pháp đầu tư hệ thống trạm bơm và tuyến ống truyền tải nước thô là hợp lý. Giải pháp này cũng giúp chia sẻ nguồn nước cho những mục tiêu sử dụng nước khác. Kết quả đến thời điểm báo cáo:

- Đối với khu vực Bắc sông Hàm Luông, Công ty Cổ phần Cấp thoát nước đã đầu tư xong trạm bơm nước thô sông Ba Lai công suất 10.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm để cấp nước cho nhà máy nước Hữu Định; kêu gọi đầu tư một số dự án trọng điểm (*Nâng công suất trạm bơm Cái Cỏ từ 47.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm lên 72.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm, kết hợp nâng công suất Nhà máy nước An Hiệp từ 15.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm lên 40.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm và đầu tư trực chuyển tải nước Cái Cỏ - An Hiệp - Sơn Đông*).

- Đối với khu vực Nam sông Hàm Luông, đang triển khai thi công dự án Cấp nước sinh hoạt cho dân cư khu vực Cù Lao Minh trong điều kiện biến đổi khí hậu và nước biển dâng.

- Ngoài ra đang xúc tiến dự án cấp nước thô liên tỉnh Tiền Giang - Long An - Bến Tre.

Các dự án cấp nước đã được cấp chủ trương đầu tư được thực theo dõi, đôn đốc thường xuyên và kiên quyết điều chỉnh vùng cấp nước đối với các dự án cấp nước triển khai chậm như dự án Nhà máy nước sạch huyện Bình Đại của Công ty Đại Quang Thủy.

6. Về công tác đảm bảo an ninh môi trường tại các vị trí lấy nước thô, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định số 39/2019/QĐ-UBND ngày 27 tháng 9 năm 2019 về việc ban hành Quy định về quản lý hoạt động cấp nước trên địa bàn tỉnh Bến Tre, trong đó có quy định về việc bảo vệ hệ thống cấp nước.

Các đơn vị cấp nước cũng thường xuyên phối hợp với các cơ quan chức năng và chính quyền địa phương thực hiện tuyên truyền về bảo vệ nguồn nước tại vị trí khai thác.

7. Về đầu tư hệ thống thủy lợi, hồ chứa nước ngọt, hiện đã hoàn thành các dự án: Hồ chứa nước ngọt huyện Ba Tri; dự án thủy lợi Bắc Bến Tre.

Đang triển khai các dự án: Hệ thống cống kiểm soát mặn các huyện Ba Tri, Mỏ Cày Nam và Chợ Lách; hệ thống thủy lợi Bắc Bến Tre (phần bổ sung sau năm 2017); Hệ thống thủy lợi Nam Bến Tre; công trình ngăn mặn lưu vực cống Thủ Cửu.

Chuẩn bị đầu tư các dự án: Dự án quản lý nước Bến Tre; xây dựng đê bao ngăn mặn kết hợp đường giao thông nối liền 03 huyện biển.

8. Trên cơ sở phân vùng cấp nước được xác định trong đề án quy hoạch cấp nước nông thôn, Ủy ban nhân dân các cấp đã tổ chức rà soát, giải quyết chồng lấn về phạm vi cấp nước, cụ thể: Ủy ban nhân dân huyện Bình Đại, Ủy ban nhân dân huyện Mỏ Cày Nam đã tổ chức họp rà soát, thống nhất phạm vi cấp nước của các nhà máy trên địa bàn; Ủy ban nhân dân tỉnh chủ trì giải quyết vướng mắc giữa Công ty CP Cấp thoát nước Bến Tre và Công ty N.I.D liên quan đến Nhà máy nước trong KCN Giao Long; quá trình lập điều chỉnh QH cấp nước nông thôn cũng đã rà soát các khu vực chồng lấn để đề xuất giải pháp xử lý.

9. Tiếp tục thực hiện tuyên truyền, vận động người dân trữ nước sạch, tận dụng nguồn nước mưa để đảm bảo nhu cầu sinh hoạt trong mùa hạn mặn.

Đối với các công trình đầu tư xây dựng mới từ nguồn vốn ngân sách, tiếp tục thực hiện chủ trương bố trí hạng mục bể chứa nước dự trữ ứng phó hạn mặn kết hợp với mục tiêu phòng cháy chữa cháy.

10. Thực hiện Chỉ thị 34/CT-TTg ngày 28 tháng 8 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường công tác quản lý hoạt động sản xuất, kinh doanh nước sạch, bảo đảm cấp nước an toàn, liên tục, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo triển khai các biện pháp bảo đảm an toàn cho hệ thống cấp nước, trong đó chú trọng lập danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ nguồn nước theo quy định; tổ chức thực hiện thanh tra, kiểm tra, giám sát các hoạt động trong vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt, hành lang bảo vệ nguồn nước; xử lý nghiêm các hành vi gây ô nhiễm nguồn nước sạch và xả nước thải không đảm bảo quy định vào nguồn nước.

11. Về đầu tư phát triển hệ thống cấp nước, đến nay các dự án của Trung tâm nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn, của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và của các nhà đầu tư tư nhân đã đầu tư tăng thêm được khoảng 74.080 m<sup>3</sup>/ng.đ, đạt 145,3% so với mục tiêu Đề án. Trong đó Trung tâm nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn đầu tư tăng thêm được 18.240 m<sup>3</sup>/ng.đ (*Nâng công suất 14 NMN: Hòa Lợi, Lương Phú, Thới Thạnh, Thành Thới A, Tân Thanh Tây, Thạnh Phú, Thới Lai, Tân Hào, Tân Trung, Ngãi Đàng, An Định, Tiên Thủy, Thạnh Phú Đông, Châu Bình*); Công ty Cổ phần Cấp thoát nước còn công suất tăng thêm được 12.100 m<sup>3</sup>/ng.đ; các nhà đầu tư tư nhân tăng thêm được 43.740 m<sup>3</sup>/ng.đ (*NMN Sơn Phú - Hưng Phong 960 m<sup>3</sup>/ng.đ; NMN Ba Lai (N.I.D) 15.000 m<sup>3</sup>/ng.đ; Nâng CS NMN Mỏ Cày 5.000 m<sup>3</sup>/ng.đ; NMN An Hiệp 1.200 m<sup>3</sup>/ng.đ; Nâng CS NMN Vĩnh Bình 2.000 m<sup>3</sup>/ng.đ; Nâng CS NMN Phú Túc 400 m<sup>3</sup>/ng.đ; Nâng CS NMN Hương Mỹ 2.580 m<sup>3</sup>/ng.đ; NMN KCN Giao Long 9.000 m<sup>3</sup>/ng.đ;*

nâng công suất NMN Đan Mạch 6.000 m<sup>3</sup>/ng.đ; nâng công suất NMN Rông Phát 800 m<sup>3</sup>/ng.đ; NMN Kiến Vàng - Phú Long - Bình Đại 800 m<sup>3</sup>/ng.đ). Ngoài ra chưa tính đến một số dự án đầu tư tư nhân đang trong giai đoạn thi công với tổng công suất sau khi hoàn thành khoảng 42.720m<sup>3</sup>/ng.đ (NMN Tam Hiệp 720m<sup>3</sup>/ng.đ; NMN Kênh Lấp 5.000m<sup>3</sup>/ng.đ; NMN Darco Ba Lai 15.000 m<sup>3</sup>/ng.đ; NMN Vĩnh Hòa 2.000m<sup>3</sup>/ng.đ; NMN Hưng Lễ 5.000m<sup>3</sup>/ng.đ; NMN sạch Bình Đại (Cty Đại Quang Thủy) 15.000 m<sup>3</sup>/ng.đ)

## II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRONG THỜI GIAN TỚI

1. Xây dựng phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước tích hợp vào quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050

2. Tiếp tục kêu gọi đầu tư hạ tầng cấp nước theo quy hoạch, phân đầu đến năm 2025: Tỷ lệ dân số sử dụng nước hợp vệ sinh 99%, trong đó tỷ lệ sử dụng nước sạch 70%. Hoàn thành dự án cấp nước Cù Lao Minh; thu hồi các dự án chậm trễ. Kiến nghị Trung ương triển khai các dự án thuộc quy hoạch cấp nước vùng, đồng thời xem xét bổ sung quy hoạch hệ thống cấp nước thô liên vùng. Quan tâm đầu tư, đẩy mạnh xã hội hóa đầu tư nước sạch cho các xã vùng sâu, xã bãi ngang.

3. Quan tâm xây dựng hệ thống xử lý nước thải các khu đô thị, nước thải công nghiệp. Mạnh dạn giao cho tư nhân quản lý, điều hành việc cung cấp nước ở những nơi đủ điều kiện. Xem xét phương án kết nối các nhà máy nước các tỉnh lân cận. Thí điểm cơ chế giá nước thay đổi theo mùa ở nơi thuận lợi.

4. Tiếp tục tuyên truyền, vận động trữ nước ngọt. Tăng cường kiểm tra, hỗ trợ các cơ sở cung cấp nước sạch bảo đảm chất lượng; đối với các dự án đầu tư mới, yêu cầu chất lượng nước phải đạt Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sinh hoạt; đối với các dự án đang hoạt động, từng bước yêu cầu cải tiến công nghệ để hướng tới tất cả đều đạt Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sinh hoạt.

Ủy ban nhân dân tỉnh ủy nhiệm cho Giám đốc Sở Xây dựng báo cáo tại cuộc họp.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 06 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh, kính báo Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét./.

### Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Chánh, các PCVP UBND tỉnh;
- Sở Xây dựng (báo cáo tại cuộc họp);
- Phòng TCĐT, TH, KT;
- Lưu: VT, TCĐT.

### Đính kèm:

- Báo cáo số 369-BC/BCSD ngày 21/9/2020 của Ban cán sự Đảng Ủy ban nhân dân tỉnh.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Trúc Sơn**